TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bán án: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng Minh

Bà Trần Thị Kim Khuyên

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà : Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà***:*** Ông Ngô Trường Út - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:203/2022/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phùng Thị V, sinh năm 1993, (có mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phùng Thị V trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 01/3/2017, cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H.Tổ chức xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Đến tháng 3/2022 chị về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay.

Hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/9/2017, Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/12/2019, hiện hai con đang ở cùng anh T. Ly hôn chị xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nếu không chị xin nuôi cháu Ngọc A, để anh T nuôi cháu Phương A vì cháu Ngọc A đến tuổi đi học lớp một. Hiện chị đi làm công nhân thu nhập 9.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh trình bày: Anh kết hôn với chị Phùng Thị V ngày 01/3/2017, cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H.Tổ chức xong chị V về làm ăn chung sống cùng gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Đến tháng 3/2022 chị V về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị V xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/9/2017, Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/12/2019, hiện hai con đang ở cùng anh. Ly hôn anh xin nuôi cả hai con và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh đi làm nấu ăn thu nhập 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã T: Chị Phùng Thị V kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 01/3/2017, cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H.Tổ chức xong chị V về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Đến tháng 3/2022 chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/9/2017, Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/12/2019, hiện hai con đang ở cùng anh T. Về tài sản chung, tài sản

riêng, công nợ, công sức địa phương không biết anh chị có gì. Nay chị V xin ly hôn anh T địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Phùng Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Giao cho chị Phùng Thị V và anh Nguyễn Văn T mỗi người nuôi một con. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ, quá trình giải quyết anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị V kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 01/3/2017, cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H.Tổ chức xong chị V về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nay chị V xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị V xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/9/2017, Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/12/2019. Ly hôn cả hai đều xin nuôi hai con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng hiện chị V, anh T đều có công ăn việc làm ổn định đều đảm bảo nuôi con, để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung nên giao cho chị Phùng Thị V nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/9/2017. Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/12/2019. Việc anh chị không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị V, anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Phùng Thị V và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho chị Phùng Thị V nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 14/9/2017. Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/12/2019, hiện hai con đang ở cùng anh T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị V, anh T có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản.

Theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu không

xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị V phải chịu 300.000đ Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006507 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị V nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Hợp Thịnh;
- Lưu.